MIRAE ASSET Securities

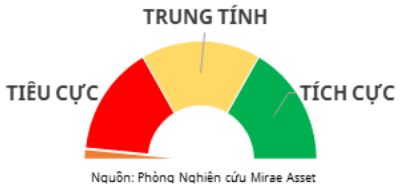
13 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,719.42	-0.1	-4.2	-2.6
HNX	264.25	-0.2	-3.1	-4.0
UPCOM	123.85	-0.7	-2.1	9.9
MSCI EM	1,697.03	-0.7	-1.4	25.4
NIKKEI	67,777.52	-1.8	5.9	40.9
HANG SENG	24,345.22	0.3	-1.9	-6.0
KOSPI	6,035.35	-5.5	-12.7	68.4
FTSE	10,732.83	0.7	0.8	13.7
S&P 500	7,807.24	-0.1	2.0	17.3
NASDAQ	27,245.90	-0.4	3.5	20.1

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.6	1.9	16.1
Indonesia	13.2	1.6	12.2
Philippines	8.6	1.2	11.6
Malaysia	14.1	1.5	10.4
Thailand	14.9	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	1	2	116
TPCP 10 năm	4.5	1	0	74

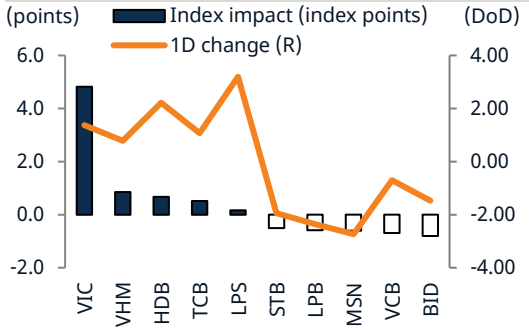
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,915	-0.1	-0.2	-1.6
US$/KRW	1,340.7	0.5	-0.5	-5.9
US$/JPY	157.94	-0.4	2.3	3.7
US$/EUR	0.8942	-0.3	3.3	3.5
US$/GBP	0.7554	-0.2	2.0	0.7
US$/SGD	1.2798	-0.1	0.7	-1.4

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	424	499	596
HNX	26	25	33
UPCOM	20	15	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Điều chỉnh diện rộng

VN-Index có phiên giao dịch giằng co tại vùng đáy hình thành vào cuối tháng 08 quanh 1.720 điểm với lực bán diện rộng, tập trung nhóm Bán lẻ & tiêu dùng, Cảng, Thủy Sản, Dệt may... Tuy nhiên VIC+VHM lại đóng vai trò nâng đỡ nên chỉ số kết phiên chỉ đánh mất 1,56 điểm. Sự phân hóa xuất hiện trên thị trường khi vẫn hiện diện một vài cổ phiếu ở nhóm Ngân hàng đi ngược với số đông như TCB, VPB, HDB...

VN-Index kết phiên tại 1.719,42 điểm, giảm 1,56 điểm (-0,09%). Thanh khoản duy trì ở mức thấp và giảm nhẹ so với phiên liền trước, với khối lượng khớp lệnh đạt 460 triệu cổ phiếu (-2% DoD), tương ứng 10,883 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng về 200 mã giảm áp đảo, trong khi có 95 mã tăng và 69 mã đứng giá.

Tác động tích cực lên chỉ số chủ yếu đến từ nhóm Vingroup (VIC, VHM) với tổng đóng góp gần 6 điểm và một số ít cổ phiếu Ngân hàng (HDB, TCB, TPB). Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh đến từ các cổ phiếu khác nhóm Ngân hàng (BID, VCB, LPB, STB), Bán lẻ & tiêu dùng (MSN, MCH, MWG) cùng các cổ phiếu riêng lẻ như HPG, BSR, FPT, GAS.

Khối ngoại bán ròng với giá trị khoảng 433 tỷ đồng trên sàn HOSE, chủ yếu từ ghi nhận tại FPT (-107 tỷ đồng), GMD (-44 tỷ đồng), MSB (-42 tỷ đồng). Chiều ngược lại ghi nhận mua ròng tại HDB (+42 tỷ đồng), PNJ (33 tỷ đồng) và VHM (+20 tỷ đồng)...

Phiên giao dịch giảm điểm, điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index duy trì ở mức -7 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.6x.

Nguyễn Thị Kim Ngân , Analyst, 84-8-39102222, ngan.ntk@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (13/10/2026)	1.719	Kháng cự 1	1.760
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	1.800
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.700
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.650

VN-Index giao dịch giằng co tại mốc hỗ trợ 1.720 điểm, đây cũng chính là vùng điểm số cân bằng được thiết lập vào cuối tháng 08.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (13/10/2026)	1.868	Kháng cự 1	**1.950**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.015**
VN30 - đóng cửa	1.861	Hỗ trợ 1	**1.850**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+6,51**	Hỗ trợ 2	**1.800**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	**KHẢ QUAN**
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-7	**TIÊU CỰC**

VN30F1M giao dịch giằng co trong biên độ 1.861 – 1.870 điểm với thanh khoản thấp.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
HDB	Ngân hàng	23,100	15,242,705	**99**	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HDB	23.1	15,242,705	**7**	**KHẢ QUAN**	150,308	7.5	1.8	352
VEA	38.5	420,405	**7**	**KHẢ QUAN**	51,159	6.6	2.2	16
BFC	62.8	251,325	**7**	**KHẢ QUAN**	3,590	15.4	2.4	16
KBC	25.75	1,278,955	**5**	**KHẢ QUAN**	24,250	13.8	0.9	33
TLG	55.2	261,520	**5**	**KHẢ QUAN**	5,328	13.9	2.1	14
VPB	24.4	22,027,820	**4**	**KHẢ QUAN**	244,000	8.2	1.4	537
DXG	10	8,877,455	**4**	**KHẢ QUAN**	12,681	63.1	0.9	89
CII	12.15	6,502,410	**4**	**KHẢ QUAN**	8,165	83.4	0.8	79
KDH	13.5	3,917,205	**4**	**KHẢ QUAN**	16,665	10.2	0.9	53
PDR	11.1	4,028,545	**4**	**KHẢ QUAN**	11,076	17.9	0.9	45
DIG	9.5	3,659,825	**4**	**KHẢ QUAN**	8,020	10.3	0.8	35
VCG	13.9	1,675,930	**4**	**KHẢ QUAN**	9,705	2.5	0.9	23
HSG	10.05	2,106,240	**4**	**KHẢ QUAN**	8,113	12.4	0.7	21
HHV	8.95	2,250,705	**4**	**KHẢ QUAN**	4,897	7.7	0.5	20
HHP	18.1	1,079,540	**4**	**KHẢ QUAN**	1,668	34.7	1.7	20
NKG	9.83	1,792,220	**4**	**KHẢ QUAN**	4,840	29.1	0.6	18
TCB	32.95	17,654,810	**2**	**TRUNG TÍNH**	233,492	8.6	1.3	582
MSN	71.1	5,818,810	**2**	**TRUNG TÍNH**	103,833	15.3	2.7	414
HPG	20.45	18,124,290	**2**	**TRUNG TÍNH**	172,660	7.6	1.2	371
NVL	11.15	26,442,924	**2**	**TRUNG TÍNH**	35,711	6.1	0.5	295
PVT	25	8,243,575	**2**	**TRUNG TÍNH**	12,923	9.1	1.4	206
PLX	35.9	5,045,080	**2**	**TRUNG TÍNH**	46,450	14.9	1.8	181
VIB	13.8	4,897,390	**2**	**TRUNG TÍNH**	51,438	6.9	1.1	68
CEO	10.5	5,620,640	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,256	32.7	1.0	59
GMD	52.5	1,099,245	**2**	**TRUNG TÍNH**	33,586	13.9	2.4	58
ORS	13.3	2,023,555	**2**	**TRUNG TÍNH**	8,298	14.1	1.1	27
HUT	12.2	1,596,375	**2**	**TRUNG TÍNH**	13,033	22.5	1.2	19
DBC	15.25	1,240,245	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,573	5.7	0.8	19
VHC	51	355,420	**2**	**TRUNG TÍNH**	10,682	7.8	1.1	18
CTD	62.1	290,400	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,944	8.8	0.7	18
MWG	74.8	2,921,055	**0**	**TRUNG TÍNH**	110,382	11.2	3.1	218
VNM	58	2,183,375	**0**	**TRUNG TÍNH**	121,217	12.3	3.8	127
FRT	143.8	707,620	**0**	**TRUNG TÍNH**	25,714	22.6	5.4	102
MCH	141.2	712,610	**0**	**TRUNG TÍNH**	184,606	26.1	9.8	101
IDC	34.3	1,490,235	**0**	**TRUNG TÍNH**	14,318	6.6	2.1	51
HAG	14.35	2,211,225	**0**	**TRUNG TÍNH**	18,187	5.4	1.2	32

NT2	23	876,055	0	TRUNG TÍNH	6,621	5.4	1.3	20
VOS	11.75	1,439,870	0	TRUNG TÍNH	1,645	4.2	0.8	17
ANV	17.7	923,525	0	TRUNG TÍNH	4,713	5.4	1.2	16
SAB	43.05	379,675	0	TRUNG TÍNH	55,214	12.0	2.8	16
PHR	32.8	480,695	0	TRUNG TÍNH	8,000	8.6	1.7	16
PVS	33	3,844,420	-1	TRUNG TÍNH	20,252	9.6	1.3	127
SHB	10.45	42,558,140	-2	TRUNG TÍNH	55,842	4.0	0.6	445
VIX	11.5	26,222,890	-2	TRUNG TÍNH	29,587	5.6	0.9	302
PNJ	19.2	13,027,495	-2	TRUNG TÍNH	9,825	4.1	0.7	250
MBB	19.05	10,759,740	-2	TRUNG TÍNH	191,810	6.2	1.2	205
ACB	20.45	7,982,480	-2	TRUNG TÍNH	118,700	7.6	1.2	163
MSR	62.9	2,557,175	-2	TRUNG TÍNH	69,503	6,290.0	5.7	161
TPB	11.7	9,116,580	-2	TRUNG TÍNH	37,325	4.9	0.8	107
DCM	33.05	2,883,560	-2	TRUNG TÍNH	17,497	7.6	1.5	95
BVH	74.6	1,022,975	-2	TRUNG TÍNH	55,377	16.7	2.2	76
DCL	47	1,589,150	-2	TRUNG TÍNH	3,433	#N/A N/A	2.3	75
POW	12.55	5,353,760	-2	TRUNG TÍNH	38,502	6.3	0.9	67
PVP	23.55	1,498,940	-2	TRUNG TÍNH	2,442	7.5	1.2	35
OIL	13.2	2,593,570	-2	TRUNG TÍNH	13,652	38.5	1.3	34
NLG	21.65	1,419,545	-2	TRUNG TÍNH	10,504	17.5	0.8	31
NVB	14.9	2,003,335	-2	TRUNG TÍNH	43,627	89.2	2.0	30
DRI	16.1	1,785,380	-2	TRUNG TÍNH	1,179	7.5	1.7	29
SBT	22.7	1,195,190	-2	TRUNG TÍNH	21,216	28.9	1.8	27
VGC	43.3	618,145	-2	TRUNG TÍNH	19,414	13.6	2.3	27
BVS	25.6	618,265	-2	TRUNG TÍNH	1,848	9.6	0.7	16
VIC	222	3,341,710	-4	TIÊU CỰC	1,723,205	79.3	9.9	742
CTG	29.4	6,895,625	-4	TIÊU CỰC	228,348	5.7	1.1	203
GEX	22.1	6,774,570	-4	TIÊU CỰC	28,917	21.1	1.5	150
GAS	78.5	1,300,425	-4	TIÊU CỰC	189,417	14.9	2.8	102
SHS	11.7	7,989,235	-4	TIÊU CỰC	10,524	10.4	0.8	93
VSC	12.9	7,216,875	-4	TIÊU CỰC	4,829	14.1	0.9	93
VRE	22.75	3,700,770	-4	TIÊU CỰC	51,695	7.1	1.0	84
DGW	45.95	1,737,700	-4	TIÊU CỰC	10,263	12.1	2.7	80
HCM	23	2,745,875	-4	TIÊU CỰC	31,049	21.4	1.9	63
EIB	16.15	3,447,255	-4	TIÊU CỰC	30,083	61.2	1.1	56
PET	49.85	908,255	-4	TIÊU CỰC	7,714	25.3	3.1	45
TCH	10.8	4,110,320	-4	TIÊU CỰC	10,836	36.2	0.9	44
VC3	23.2	1,658,915	-4	TIÊU CỰC	3,452	48.5	2.2	38
DGC	32.9	603,140	-4	TIÊU CỰC	12,495	6.2	0.8	20
DHC	36.8	520,250	-4	TIÊU CỰC	3,910	7.3	1.6	19
CTR	69	222,055	-4	TIÊU CỰC	8,840	13.5	3.9	15
SSI	18.9	21,119,890	-5	TIÊU CỰC	56,498	11.1	1.4	399
BSR	30.3	12,286,660	-5	TIÊU CỰC	151,721	7.6	2.0	372
STB	65.6	2,925,875	-5	TIÊU CỰC	123,670	20.2	2.0	192
VND	12.9	9,673,950	-5	TIÊU CỰC	19,638	7.3	0.9	125
BID	33.35	3,518,130	-5	TIÊU CỰC	259,405	7.8	1.3	117
GVR	32.35	2,883,530	-5	TIÊU CỰC	129,400	18.3	2.1	93
VPI	52	1,470,885	-5	TIÊU CỰC	18,307	45.5	3.4	76

DPM	21.2	3,048,315	**-5**	**TIÊU CỰC**	14,414	8.4	1.3	65
HAH	47.65	1,287,425	**-5**	**TIÊU CỰC**	8,974	6.8	1.8	61
MBS	14.5	2,681,415	**-5**	**TIÊU CỰC**	14,514	10.0	1.2	39
PC1	18.7	1,388,940	**-5**	**TIÊU CỰC**	7,691	7.6	1.2	26
QNS	49.3	300,715	**-5**	**TIÊU CỰC**	18,125	8.0	1.4	15
VHM	64.4	8,721,660	**-6**	**TIÊU CỰC**	529,035	6.7	2.0	562
VJC	128.2	1,026,120	**-6**	**TIÊU CỰC**	98,598	44.7	3.7	132
REE	45.4	500,505	**-6**	**TIÊU CỰC**	28,280	10.7	1.3	23
BCM	38.15	482,835	**-6**	**TIÊU CỰC**	39,485	20.8	1.8	18
FPT	56.3	5,942,670	**-7**	**TIÊU CỰC**	106,166	10.6	2.6	335
VCB	56.3	3,619,335	**-7**	**TIÊU CỰC**	470,425	11.3	1.9	204
VCI	18.35	8,349,905	**-7**	**TIÊU CỰC**	21,143	13.1	1.2	153
PVD	17.8	4,782,935	**-7**	**TIÊU CỰC**	16,514	17.1	1.0	85
LPB	39.3	2,036,995	**-7**	**TIÊU CỰC**	117,400	10.4	2.7	80
DPR	37.4	483,870	**-7**	**TIÊU CỰC**	3,250	9.1	1.2	18
CTS	19.15	937,990	**-7**	**TIÊU CỰC**	5,214	13.8	1.8	18

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

IMF cảnh báo áp lực nợ công toàn cầu, nguy cơ lạm phát và chi phí vay vốn tăng cao

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cảnh báo các nền kinh tế hàng đầu thế giới cần khẩn trương củng cố tài chính công, khi các dự báo mới cho thấy thâm hụt ngân sách của nhiều nền kinh tế lớn trong năm nay sẽ lên mức cao nhất kể từ giai đoạn đại dịch COVID-19 bùng phát. Trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới công bố vào ngày 13/10, IMF dự báo mức vay ròng của Chính phủ tại các nền kinh tế phát triển sẽ tương đương 5.2% GDP trong năm nay, cao nhất kể từ năm 2021, thời điểm các biện pháp phong tỏa vì đại dịch vẫn được áp dụng trên diện rộng.

Theo dự báo của IMF, thâm hụt ngân sách của cả Trung Quốc và Mỹ sẽ chạm hoặc vượt 8% GDP trong năm 2026. Thước đo của IMF bao quát phạm vi vay nợ rộng hơn so với một số chỉ tiêu ngân sách được các quốc gia sử dụng trong nước. Các dự báo mới cho thấy triển vọng tài khóa đã xấu đi so với báo cáo hồi tháng 4/2026 của IMF, trong bối cảnh thị trường nợ toàn cầu trải qua nhiều tháng biến động mạnh. Lợi suất trái phiếu tăng khi nhà đầu tư lo ngại nợ công ngày càng lớn, lạm phát và nhu cầu huy động vốn ngày càng mạnh để đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI).

Báo cáo nhận định kinh tế toàn cầu vẫn thể hiện khả năng chống chịu trước cú sốc giá dầu, một phần nhờ làn sóng đầu tư do AI thúc đẩy. Tuy nhiên, rủi ro nợ chính phủ đang gia tăng khi tổng nợ công toàn cầu được dự báo tiến gần 100% GDP vào cuối thập kỷ này. Tại Mỹ, IMF dự báo mức vay ròng của chính phủ nói chung sẽ tương đương 8.5% GDP trong năm nay, tăng từ 7.1% năm 2025 và cao hơn mức 5.8% trước khi đại dịch bùng phát.

Bất chấp cú sốc giá dầu, IMF dự báo kinh tế toàn cầu vẫn tăng trưởng tương đối vững vàng trong năm nay. Quỹ nâng nhẹ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu thêm 0.1 điểm phần trăm, lên 3.1% trong năm 2026. Sang năm 2027, kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng 3.4%. Một phần động lực đến từ làn sóng đầu tư AI vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, IMF cảnh báo: "Động lực từ AI khó có thể thúc đẩy tất cả các nền kinh tế với mức độ như nhau". Theo IMF, tăng trưởng tổng thể có vẻ ổn định nhưng thực tế ngày càng tập trung vào một nhóm nhỏ các nền kinh tế. Hồi tháng 4/2026, có 54 nền kinh tế đóng góp 95% tăng trưởng toàn cầu. Kể từ đó, số nền kinh tế này giảm xuống chỉ còn 32, khi ngày càng nhiều quốc gia bị hạ dự báo tăng trưởng. IMF cho biết các nền kinh tế đã thích ứng với cú sốc giá dầu bằng cách sử dụng nguồn dự trữ dầu, nhưng biện pháp này không thể kéo dài mãi.

Trong thời gian tới, Mỹ vẫn là động lực chính của kinh tế toàn cầu. IMF dự báo nền kinh tế lớn nhất thế giới tăng trưởng 2.3% trong cả năm 2026 và 2027. Đức được nâng mạnh dự báo tăng trưởng thêm 0.6 điểm phần trăm, nhờ đầu tư vào cơ sở hạ tầng và quốc phòng gia tăng. Theo đó, GDP Đức được dự báo tăng 1.3% trong năm nay và 1.1% vào năm 2027. Ngược lại, tăng trưởng GDP Trung Quốc dự kiến giảm xuống 4.5% trong năm 2026, thấp hơn mức dự báo trước đó là 5%, rồi tiếp tục chậm lại còn 4% vào năm 2027. Ấn Độ nổi bật với triển vọng tăng trưởng tích cực hơn, khi IMF dự báo nền kinh tế nước này tăng 7% trong cả năm nay và năm tới.

Nguồn: vietstock.vn

Kinh tế Trung Quốc tiếp tục khởi sắc trong quý 3/2026 nhờ tiêu dùng, công nghệ

Kinh tế Trung Quốc tiếp tục có dấu hiệu cải thiện trong quý 3/2026 nhờ tiêu dùng phục hồi và đầu tư vào công nghệ mới tăng mạnh, theo số liệu do Trung tâm Thông tin Nhà nước thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc vừa công bố. Trong quý 3, chi tiêu tại các cửa hàng ở Trung Quốc tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn 0,7 điểm phần trăm so với quý 2. Riêng tháng 9/2026, chi tiêu tăng 3,1% so với cùng kỳ năm ngoái, nối tiếp đà tăng trong hai tháng trước đó.

Đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ mới tăng mạnh. Trong quý 3, vốn đầu tư vào Trí tuệ Nhân tạo và robot hình người tăng 184,1% so với cùng kỳ năm trước; riêng tháng 9/2026 tăng 198,7%. Giá trị hợp đồng của các dự án hạ tầng mới thuộc lĩnh vực công nghệ số tăng 34,2% trong quý 3 và tăng 50,4% trong tháng 9/2026. Cũng trong tháng 9, lượng trái phiếu chuyên dụng mới phát hành tăng 50,2% so với cùng kỳ năm trước.

Ông Wei Ying, Phó Giám đốc bộ phận Phát triển dữ liệu lớn thuộc Trung tâm Thông tin Nhà nước, nhận định rằng đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ tiên phong như Trí tuệ Nhân tạo không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trước mắt mà còn tạo động lực phát triển trong tương lai. Các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ cũng phát đi tín hiệu tích cực trong tháng 9/2026. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của ngành sản xuất đạt 50,1 điểm, còn chỉ số hoạt động kinh doanh phi sản xuất đạt 50,2 điểm. Cả hai đều vượt ngưỡng 50 điểm, cho thấy hoạt động kinh tế đang mở rộng. Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 ở mức 4,5-5%, sau khi Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 4,7% trong nửa đầu năm.

Nguồn: vietstock.vn

TP.HCM: Nhiều dự án lớn phải giải ngân thêm hàng nghìn tỷ đồng trong 3 tháng cuối năm 2026

Tin từ UBND TP.HCM, để đạt mục tiêu giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2026, trong quý IV/2026, Thành phố phải giải ngân thêm khoảng 36.104 tỷ đồng. Trong đó, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đã giải ngân đạt 81,5% trong 9 tháng, phải giải ngân thêm với tổng số vốn 13.742 tỷ đồng trong 3 tháng còn lại của năm 2026. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đã giải ngân đạt tỷ lệ 85,5% trong 9 tháng, giải ngân thêm 2.039 tỷ đồng. Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp đã giải ngân đạt 60,2% trong 9 tháng, phải giải ngân thêm 4.690 tỷ đồng. Ban Quản lý đường sắt đô thị đã giải ngân đạt tỷ lệ 74,7%, cần phải giải ngân thêm 4.453 tỷ đồng.

Nhiều dự án lớn nằm trong kế hoạch phải giải ngân thêm gồm: Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đường Vành đai 3 TP.HCM dự kiến giải ngân thêm 1.424 tỷ đồng; Dự án đường nối vào cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, dự kiến giải ngân thêm 1.127 tỷ đồng; công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Cần Giờ, dự kiến giải ngân thêm 3.015 tỷ đồng; Dự án thành phần 1 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13, dự kiến giải ngân thêm 1.295 tỷ đồng.

Để đảm bảo đạt chỉ tiêu giải ngân trong những tháng còn lại, UBND TP.HCM đã yêu cầu các Ban quản lý bám sát, định kỳ giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 đã đề ra, đánh giá cụ thể tiến độ thực hiện nhiệm vụ trong từng tháng, số vốn và tỷ lệ giải ngân từng tháng của tất cả các dự án; phối hợp chặt với địa phương vận động, thuyết phục người dân để sớm bàn giao mặt bằng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường đẩy nhanh thủ tục giải ngân vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án..

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

Hà Nội đặt mục tiêu tăng trưởng 16,55% trong quý IV/2026

Chiều 12/10, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Hà Nội khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội Nguyễn Xuân Lưu đã trình bày báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu tăng trưởng 9 tháng đầu năm, đồng thời đề xuất kịch bản, nhiệm vụ và giải pháp điều hành kinh tế trong 3 tháng cuối năm 2026.

Theo báo cáo, kinh tế Thủ đô tiếp tục duy trì đà phục hồi và tăng trưởng, đặc biệt ghi nhận sự bứt phá trong quý III với mức tăng GRDP đạt 10,02%, cao hơn mức tăng 9,95% của cả nước. Đây là lần đầu tiên trong năm 2026, Hà Nội đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong một quý, đồng thời là mức tăng cao nhất trong ba quý đầu năm. Tuy nhiên, để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm, Thành phố phải tạo bước tăng tốc mạnh hơn trong quý IV, với mức tăng GRDP theo kịch bản điều hành lên tới 16,55%.

Theo Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội Nguyễn Xuân Lưu, GRDP 9 tháng đầu năm 2026 của Hà Nội ước tăng 8,85%, cao hơn mức 7,92% cùng kỳ năm 2025. Trong cơ cấu tăng trưởng, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,54%; công nghiệp và xây dựng tăng 8,80%; dịch vụ tăng 9,14%, cao hơn mặt bằng chung cả nước 0,45 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,28%. Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được duy trì ổn định. Đến hết ngày 30/9/2026, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 568.585 tỷ đồng, bằng 87,5% dự toán và tăng 6,1% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 530.539 tỷ đồng. Chi ngân sách địa phương đạt 174.952 tỷ đồng, tăng 90,9%.

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng tích cực, với kim ngạch 9 tháng đạt 16,86 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,9%, khu vực kinh tế trong nước tăng 2,9%. Tuy nhiên, áp lực lạm phát vẫn hiện hữu khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng tăng 4,91%, cao hơn mức bình quân 4,52% của cả nước. Đáng chú ý, vốn ngân sách nhà nước địa phương đạt 107,8 nghìn tỷ đồng, tăng 81,2%. Tiến độ giải ngân đầu tư công ghi nhận chuyển biến rõ nét. Đến hết ngày 30/9/2026, giá trị giải ngân đạt 115.574 tỷ đồng, bằng 96,32% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và 69,91% kế hoạch Thành phố giao sau khi loại trừ khoản tiết kiệm 5%.

Tổng vốn FDI đạt 4,13 tỷ USD, hoàn thành 91,7% kế hoạch năm. Trong đó, lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ dẫn đầu với khoảng 2,24 tỷ USD, chiếm hơn một nửa tổng vốn FDI, cho thấy xu hướng dịch chuyển dòng vốn vào các ngành công nghệ và dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng với chỉ số IIP 9 tháng tăng 9%; riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,9%. Một số ngành công nghiệp chủ lực đạt tốc độ tăng từ 12,7% đến 18,5%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 15,6%, cao hơn mức tăng bình quân 13,4% của cả nước. Doanh thu vận tải và kho bãi tăng 22,8%. Hoạt động du lịch ghi nhận sự phục hồi và mở rộng mạnh mẽ với gần 6,9 triệu lượt khách, tăng 24,3% so với cùng kỳ. Các ngành dịch vụ chủ lực tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, góp phần thúc đẩy tiêu dùng và tạo thêm việc làm.

Tuy nhiên, lãnh đạo UBND TP. Hà Nội cũng nhìn nhận, kết quả tăng trưởng 9 tháng vẫn thấp hơn kịch bản đề ra. Một số ngành kinh tế chủ lực như xây dựng, công nghiệp, thương mại, xuất khẩu, thông tin và truyền thông, bất động sản, lưu trú và ăn uống chưa đạt mục tiêu. Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số chưa tạo đóng góp rõ nét vào tăng trưởng; vốn đầu tư tư nhân và FDI thực hiện chưa tương xứng với nguồn lực huy động. Tiến độ nhiều dự án còn chậm do vướng mắc về quy hoạch, đất đai, giải phóng mặt bằng, tái định cư và hạ tầng kỹ thuật. Đặc biệt, CPI bình quân 9 tháng tăng 4,91%, vượt mục tiêu kiểm soát 4,5% của cả năm. Áp lực tăng giá tập trung chủ yếu ở nhóm nhà ở, điện nước, vật liệu xây dựng với mức tăng 7,44% và nhóm giao thông tăng 6,9%.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

CTG: VietinBank sắp huy động 12,000 tỷ từ trái phiếu đợt 1 để cho vay nền kinh tế

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank, HOSE: CTG) vừa thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đợt 1, mã trái phiếu là CTG2632T2/01. Theo kế hoạch, VietinBank dự kiến chào bán tổng 160 triệu trái phiếu, chia làm 2 đợt. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá 100,000 đồng/cp là 16,000 tỷ đồng. Trong đó, đợt 1 dự kiến chào bán 120 triệu trái phiếu mã CTG2632T2/01 (tổng giá trị chào bán 12,000 tỷ đồng) và đợt 2 dự kiến 40 triệu trái phiếu CTG2632T2/02 (tổng giá trị chào bán 4,000 tỷ đồng). Cả 2 mã trái phiếu đều có kỳ hạn 6 năm. Về mục đích chào bán, VietinBank dự kiến tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời thực hiện cho vay nền kinh tế.

Trong đợt 1, với mệnh giá 100,000 đồng/trái phiếu, tổng giá trị chào bán là 12,000 tỷ đồng. Thời gian nhận đăng ký mua và nhận tiền mua trái phiếu từ 15/10-03/11. Thời gian dự kiến chào bán đợt 1 từ quý 4/2026-2/2027, trong 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp đợt 1 chưa bán hết số trái phiếu dự kiến, phần chưa bán hết sẽ được chuyển qua chào bán đợt 2. Lãi suất thả nổi được tính theo công thức lãi suất tham chiếu cộng biên độ. Trong đó, biên độ là 2.25%/năm, và sẽ điều chỉnh thành 4.75%/năm nếu VietinBank không mua lại trong năm cuối cùng. Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, kỳ hạn 12 tháng, tại 4 ngân hàng BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank.

Trong đợt 2, tổng giá trị chào bán là 4,000 tỷ đồng. Thời gian dự kiến chào bán từ quý 4/2026-4/2027. Thời gian chào bán đợt 2 không được kéo dài quá 90 ngày và khoảng cách giữa đợt 1 và 2 đảm bảo không quá 12 tháng. Về phương án sử dụng vốn, VietinBank dự kiến sử dụng vốn từ chào bán đợt 1 để cho vay bất động sản (4,000 tỷ đồng) và lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) (8,000 tỷ đồng). Về đợt 2, VietinBank dự kiến tiếp tục sử dụng cho bất động sản (4,000 tỷ đồng). Thời gian dự kiến giải ngân cả 2 đợt từ quý 4/2026-4/2027.

Về kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, VietinBank dự kiến dùng nguồn thu dự phóng từ các khoản giải ngân/cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán trái phiếu để thanh toán các khoản gốc, lãi trái phiếu. Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay giả định là 9%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn trái phiếu ở cả 2 đợt. Biên độ lãi suất áp dụng cho tất cả trái phiếu 5 năm đầu giả định là 2.3%/năm. Lãi suất trái phiếu 5 năm đầu là 8.2%/năm. Biên độ lãi suất áp dụng cho tất cả trái phiếu năm cuối giả định là 2.6%/năm. Lãi suất trái phiếu năm cuối là 8.5%/năm.

Nguồn: vietstock.vn

F88: Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đạt 1.087 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch năm

Công ty Cổ phần Đầu tư F88 (mã chứng khoán: F88) công bố kết quả kinh doanh quý III và 9 tháng đầu năm 2026. Lũy kế 9 tháng, tổng doanh thu đạt 4.349 tỷ đồng, tăng 54,2% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 1.087 tỷ đồng, tăng 80,1%, hoàn thành khoảng 96% kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Riêng quý III, doanh thu đạt 1.591 tỷ đồng, tăng 48%; lợi nhuận trước thuế đạt 401 tỷ đồng, tăng 42,1%. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) tính trên cơ sở 12 tháng gần nhất đạt 35,1%.

Hoạt động cho vay tiếp tục là nguồn thu chủ lực, đóng góp gần 3.728 tỷ đồng doanh thu trong 9 tháng, tăng trưởng 52,4% so với cùng kỳ. Tại ngày 30/9/2026, tổng dư nợ vay ròng đạt 9.540 tỷ đồng, tăng 48,8% so với cùng kỳ và 32,2% so với đầu năm. Chỉ tiêu này bao gồm các khoản vay do ngân hàng đối tác giải ngân, F88 cung cấp dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm, hưởng phí dịch vụ và chịu rủi ro tín dụng liên quan.

Doanh thu tăng nhanh hơn chi phí hoạt động tiếp tục giúp nâng hiệu quả kinh doanh. Trong 9 tháng, chi phí hoạt động tăng 24%, thấp hơn mức tăng 54,2% của doanh thu. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm còn 43%, thấp hơn 10,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Chi phí vốn tính trên cơ sở 12 tháng gần nhất ở mức 13,3%, so với 14,4% tại cùng kỳ năm trước. Mảng phân phối bảo hiểm ghi nhận doanh thu gần 583 tỷ đồng trong 9 tháng, tăng 74,6% so với cùng kỳ. Kết quả này bổ sung nguồn thu quan trọng bên cạnh hoạt động cho vay và tạo cơ sở để F88 tiếp tục phát triển các dịch vụ tài chính trên mạng lưới sẵn có.

Cùng với kết quả kinh doanh, F88 tiếp tục bổ sung nguồn lực cho hoạt động cho vay. Theo cập nhật 9 tháng, doanh nghiệp đã huy động thành công 833,5 tỷ đồng qua trái phiếu đại chúng và 781,9 tỷ đồng qua chào bán cổ phiếu ra công chúng. Trong quý III, Hội đồng quản trị đã phê duyệt việc thực hiện các khoản vay nước ngoài với tổng quy mô lên tới 50 triệu USD. Các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế, cùng cơ chế hợp tác với ngân hàng, giúp F88 có thêm lựa chọn về chi phí, kỳ hạn và cơ cấu nguồn vốn để phục vụ tăng trưởng.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

HHV: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất hơn 560 tỷ sau 9 tháng

Tại hội thảo Analyst Meeting 2026, CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HOSE: HHV) đã cập nhật bức tranh tài chính 9 tháng đầu năm. Doanh nghiệp cho biết đã chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực cho các đại dự án hạ tầng trong thời gian tới.

Ông Khương Văn Cương, Phó TGĐ thường trực HHV cho biết, trong 9 tháng đầu năm 2026, Công ty đạt doanh thu hợp nhất 2,978 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 564 tỷ đồng, tăng 18% và tương ứng 74% kế hoạch cả năm. Riêng công ty mẹ mang về 1,567 tỷ đồng doanh thu và 253 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt tăng 26% và 46%. Nhờ đà tăng trưởng này, quy mô tài sản đã tăng lên 41 ngàn tỷ đồng vào tháng 6/2026. Dựa trên kết quả tích cực, Công ty hướng đến mục tiêu khép lại năm 2026 với tổng doanh thu hợp nhất 4,468 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 766 tỷ đồng.

Mảng thu phí tiếp tục đóng vai trò then chốt khi chiếm 62% tổng doanh thu hợp nhất, tương đương 1,835 tỷ đồng. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ việc lưu lượng phương tiện gia tăng ổn định sau khi mạng lưới cao tốc Bắc - Nam phía Đông được kết nối đồng bộ. Điển hình, dự án cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo từ khi đưa vào khai thác đã ghi nhận lưu lượng vượt phương án tài chính, giúp doanh thu thu phí tăng gần 20%.

Thứ hai là mảng thi công xây lắp với tỷ trọng 30%, mang về 893 tỷ đồng doanh thu. Ban lãnh đạo cho biết tính đến hiện tại, tổng giá trị các hợp đồng xây lắp Công ty đang đảm nhận lên tới gần 10 ngàn tỷ đồng, trong đó khối lượng công việc cấp hợp đồng chưa thực hiện còn 3.8 ngàn tỷ đồng. Dự kiến trong quý 4, mảng này sẽ thực hiện thêm gần 1 ngàn tỷ đồng khối lượng công việc để bám sát kế hoạch. Phần doanh thu còn lại khoảng 8%, tương đương gần 200 tỷ đồng đến từ hoạt động quản lý vận hành và các mảng khác.

Một yếu tố trọng yếu sẽ tác động đến tình hình tài chính của HHV thời gian tới là khoản vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ 6,860 tỷ đồng cho hai dự án BOT Bắc Giang - Lạng Sơn và hầm đường bộ qua Đèo Cả. Riêng dự án hầm đường bộ Đèo Cả đã được Bộ Xây dựng đề xuất hỗ trợ 2,280 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn. Theo ban lãnh đạo, việc giải ngân nguồn vốn này sẽ giúp giảm dư nợ vay, giảm chi phí lãi vay, từ đó gia tăng dòng tiền thặng dư cho khả năng chia cổ tức. Ngoài ra, Công ty đang được giao làm nhà đầu tư đề xuất cho 9 dự án PPP với tổng mức đầu tư hơn 230 ngàn tỷ đồng. Đáng chú ý nhất là dự án tuyến cao tốc Đà Nẵng - Chu Lai, dự kiến khởi công vào tháng 3/2027 với quy mô 28,620 tỷ đồng, trong đó phần vốn nhà đầu tư tham gia 15 ngàn tỷ đồng.

Nguồn: vietstock.vn

VPL: Vinpearl sắp mở khu dưỡng lão 240 phòng vào cuối năm nay, muốn nhân rộng tới Cần Giờ và Hạ Long

CTCP Vinpearl (HoSE: VPL) dự kiến đưa khu dưỡng lão cao cấp Vin New Horizon tại Mỹ Lâm vào hoạt động trong quý IV năm nay, với quy mô 240 phòng theo tiêu chuẩn quốc tế. Đây là cơ sở đầu tiên của chuỗi Vin New Horizon, thương hiệu được Vingroup giới thiệu vào tháng 10/2025. Mô hình kết hợp lưu trú, chăm sóc sức khỏe và sinh hoạt cộng đồng cho người cao tuổi, phục vụ cả khách đến trong ngày, lưu trú ngắn hạn và an dưỡng lâu dài. Các dịch vụ gồm chăm sóc y tế, phục hồi sức khỏe, ăn uống và hoạt động cộng đồng.

Việc phát triển chuỗi dưỡng lão mở thêm lĩnh vực kinh doanh cho Vinpearl, bên cạnh khách sạn, khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và sân golf. Theo giới thiệu của doanh nghiệp, hệ thống do thương hiệu này sở hữu, vận hành hoặc quản lý gồm 35 khách sạn và khu nghỉ dưỡng với hơn 17.500 phòng khách sạn, biệt thự, cùng 6 sân golf và các khu vui chơi VinWonders. Vinpearl cũng đang chuẩn bị mở thêm tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí tại Cần Giờ và Hạ Long. Riêng tại Cần Giờ, doanh nghiệp dự kiến hợp tác với các thương hiệu quản lý khách sạn quốc tế để vận hành một phần tổ hợp. Danh mục lưu trú sẽ có thêm hai thương hiệu mới. Vinpearl Legendlux được định vị ở phân khúc siêu sang, theo mô hình khách sạn "6 sao", hướng tới khách có thu nhập cao trong nước và quốc tế. VinFun tập trung vào gia đình và giới trẻ, với quy mô vừa, phong cách hiện đại.

Ở thị trường nước ngoài, Vinpearl xác định phát triển dự án là định hướng dài hạn. Kế hoạch này từng được đề cập tại đại hội cổ đông tháng 4/2026, nhưng chưa có thông tin cụ thể về quốc gia hoặc thời gian triển khai. Trong hoạt động hiện hữu, Vinpearl đang mở rộng nguồn khách từ Nga và các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS), Ấn Độ, châu Âu và Mỹ, bên cạnh hai thị trường truyền thống là Trung Quốc và Hàn Quốc.

Nửa đầu năm 2026, Vinpearl ghi nhận lợi nhuận sau thuế khoảng 2.140 tỷ đồng, gấp khoảng 8 lần cùng kỳ. Kết quả này có đóng góp đáng kể từ khoản lãi thanh lý tài sản. Dù hoàn thành khoảng 71% kế hoạch lợi nhuận sau 6 tháng, doanh nghiệp chưa tính nâng chỉ tiêu cả năm. Mục tiêu năm 2026 vẫn là doanh thu 16.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 3.000 tỷ đồng.

Nguồn: cafef.vn

KBC: Lập kỷ lục doanh thu quý 3, lợi nhuận 9 tháng vẫn đi lùi

Quý 3, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (HOSE: KBC) ghi nhận doanh thu thuần hơn 3,187 tỷ đồng, tăng 137% và là mức cao kỷ lục của doanh nghiệp. Lợi nhuận ròng hơn 911 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước.

Theo giải trình của Kinh Bắc, kết quả này chủ yếu đến từ việc gia tăng ghi nhận doanh thu kinh doanh khu công nghiệp (KCN). Tuy nhiên, đà tăng mạnh trong quý gần nhất chưa đủ bù đắp kết quả của các quý trước. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần gần 5,112 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2025. Cơ cấu nguồn thu có sự dịch chuyển khi doanh thu chuyển nhượng bất động sản hơn 1,214 tỷ đồng, tăng 74%, trong khi mảng chủ lực cho thuê đất và cơ sở hạ tầng KCN giảm 11%, còn gần 3,300 tỷ đồng.

Áp lực chi phí cũng làm thu hẹp thành quả kinh doanh. Tổng chi phí tài chính, bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 50%, lên 1,449 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế 9 tháng giảm 23%, còn gần 1,200 tỷ đồng. So với kế hoạch cả năm, ông lớn KCN miền Bắc mới thực hiện được lần lượt 57% và 40%. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2026, Chủ tịch KBC Đặng Thành Tâm khẳng định chỉ tiêu lợi nhuận 3,000 tỷ đồng được xây dựng trong bối cảnh doanh nghiệp bước sang "một kỷ nguyên mới", đồng thời nhấn mạnh "bèo nhất" cũng phải hoàn thành kế hoạch này. Như vậy, Kinh Bắc còn chỉ 3 tháng để hiện thực hóa cam kết của người đứng đầu, để tránh tiếp tục “lỡ nhịp” như các năm trước.

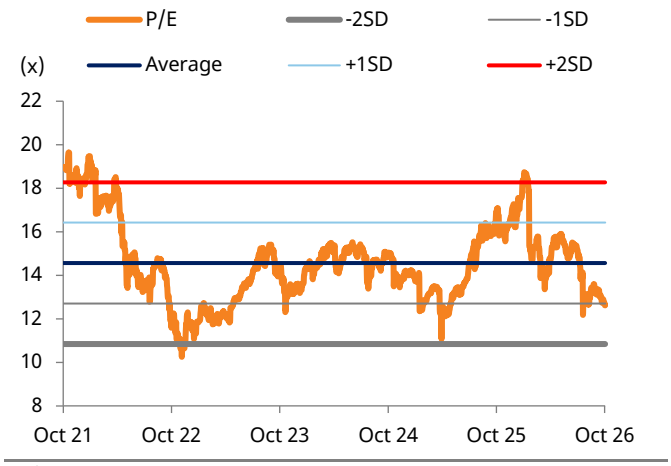
Bên cạnh áp lực hoàn thành kế hoạch, dòng tiền là một vấn đề khác cần theo dõi tại KBC. Đến cuối tháng 9/2026, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm gần 7,300 tỷ đồng, cùng kỳ âm hơn 15,200 tỷ đồng, chủ yếu do tăng hàng tồn kho. Tại ngày 30/09, giá trị tồn kho của Kinh Bắc vượt 35,400 tỷ đồng, tăng 31% so với đầu năm và đạt mức cao kỷ lục. Khu đô thị và dịch vụ Tràng Cát chiếm gần 18,400 tỷ đồng, tăng 10%, tiếp tục là khoản mục tài sản lớn nhất trên bảng cân đối kế toán. Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân gôn Khoái Châu gần 3,129 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần đầu năm.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 12%, lên gần 13,200 tỷ đồng. Trong kỳ, KBC phát sinh khoản phải thu 500 tỷ đồng từ CTCP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc. Đáng chú ý, khoản phải thu hơn 81 tỷ đồng liên quan đến Chủ tịch Đặng Thành Tâm cũng xuất hiện trên báo cáo. Theo thuyết minh, đây là khoản tạm ứng để ông Tâm thực hiện nghiệp vụ. Trong khi lượng tiền mặt của KBC giảm 39%, còn hơn 5,100 tỷ đồng vào cuối quý 3. Ở phía nguồn vốn, tổng nợ phải trả tăng 14%, lên hơn 48,700 tỷ đồng, do nợ vay tài chính tăng 18%, lên hơn 33,800 tỷ đồng. Kinh Bắc liên tục gia tăng vay nợ từ đầu năm 2025, chủ yếu để bổ sung vốn cho dự án Tràng Cát và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án khác.

Nguồn: vietstock.vn

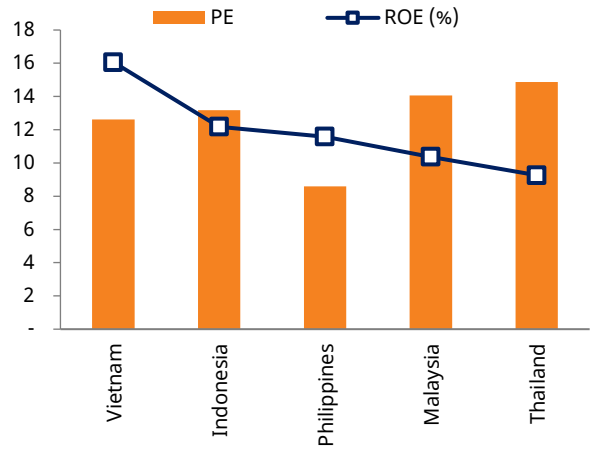
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



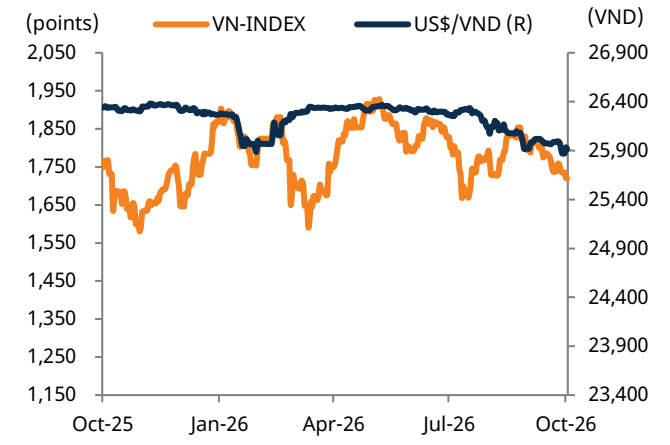
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



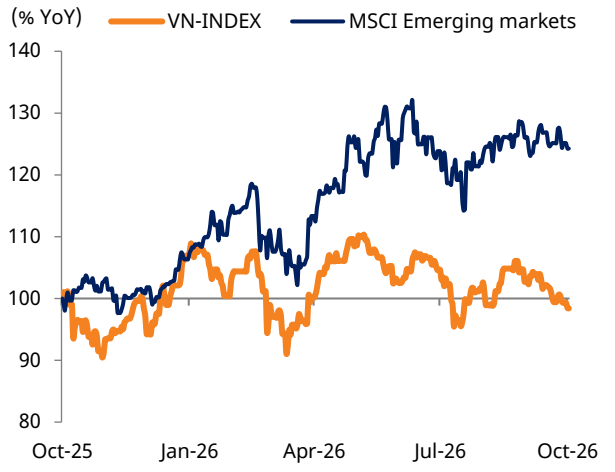
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



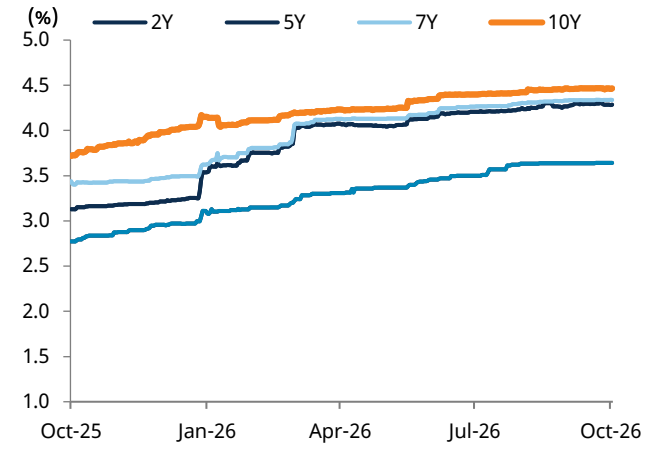
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



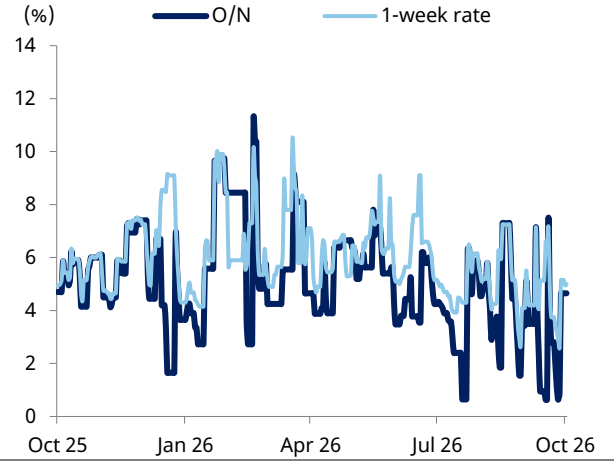
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,301,513**	**1,719.42**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.1**	**-2.3**	**-4.2**	**-2.6**	**12.6**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,311,704**	**1,860.99**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-0.4**	**-2.0**	**-3.9**	**-7.5**	**11.1**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	118,700	20,450	23,982	19,204	0.0	-0.7	-7.3	-13.6	7.6	1.2	16.7	23.3	6/15/2026	619	3.0	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	259,405	33,350	52,975	32,150	-1.5	-3.6	-6.3	-12.9	7.8	1.3	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.3	1.3
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	151,721	30,300	39,600	13,500	-1.0	-2.6	10.0	69.6	7.6	2.0	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.0	0.7
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	228,348	29,400	43,500	28,400	-0.7	-1.3	-1.8	-24.1	5.7	1.1	22.2	24.5	7/23/2026	0	2.6	1.6
FPT Corp	FPT VN	106,166	56,300	98,818	55,909	-1.4	-6.8	-14.8	-34.1	10.6	2.6	27.3	28.3	5/28/2026	1,818	3.2	3.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	189,417	78,500	131,500	56,000	-0.6	-1.0	-5.3	29.5	14.9	2.8	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.2	3.6
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	129,400	32,350	46,500	24,500	-0.2	-1.4	7.8	13.5	18.3	2.1	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.2	1.2
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	150,308	23,100	23,250	17,230	2.2	7.1	12.1	19.3	7.5	1.8	25.8	19.6	7/12/2024	0	N/A	1.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	172,660	20,450	27,000	19,600	-1.2	-0.2	-4.0	-22.4	7.6	1.2	17.4	21.6	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	117,400	39,300	58,500	39,050	-2.4	-10.5	-15.8	-25.1	10.4	2.7	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	7.6	7.6
Military Commercial JCB	MBB VN	191,810	19,050	24,426	17,678	-0.5	-0.8	-3.5	-15.9	6.2	1.2	22.1	22.2	7/9/2026	828	4.3	4.2
Masan Consumer Corp	MCH VN	184,606	141,200	183,343	125,000	-0.9	0.1	-0.4	N/A	26.1	9.8	39.4	16.0	8/10/2026	4,074	2.8	3.5
Masan Group Corp	MSN VN	103,833	71,100	94,000	61,700	-2.7	-1.3	6.9	-16.4	15.3	2.7	19.5	24.3	7/4/2022	0	N/A	1.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	110,382	74,800	94,400	62,500	-1.1	-1.6	4.9	-9.9	11.2	3.1	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.7	3.1
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	55,214	43,050	57,100	42,050	-0.1	1.2	-1.8	-6.3	12.0	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.6	11.0
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	55,842	10,450	18,185	9,550	0.5	-4.6	-9.5	-41.4	4.0	0.6	17.5	4.3	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	56,061	16,350	24,800	13,234	0.6	-2.7	-10.7	1.3	19.4	1.3	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	56,498	18,900	32,867	18,083	-0.8	-4.3	-6.9	-39.8	11.1	1.4	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.4	4.6
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	123,670	65,600	79,000	45,950	-1.9	-3.1	-15.1	7.5	20.2	2.0	5.0	10.6	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	233,492	32,950	42,000	27,800	1.1	1.5	4.3	-20.2	8.6	1.3	16.1	20.4	5/19/2026	700	2.1	2.6
Techcom Securities JSC	TCX VN	90,225	27,100	45,000	26,600	0.0	-5.2	-14.6	N/A	14.4	2.0	16.1	8.4	4/7/2026	0	1.3	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	470,425	56,300	78,800	52,600	-0.7	-1.7	-3.3	-10.8	11.3	1.9	18.0	19.9	7/23/2026	450	0.8	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	529,035	64,400	86,650	43,450	0.8	-6.7	-10.6	3.7	6.7	2.0	33.1	6.4	6/29/2026	3,000	4.7	2.4
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,438	13,800	18,630	12,831	0.7	2.2	4.2	-25.0	6.9	1.1	16.2	3.7	4/29/2026	822	6.0	5.7
Vingroup JSC	VIC VN	1,723,205	222,000	265,000	93,000	1.4	-4.3	-8.8	116.2	79.3	9.9	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	98,598	128,200	169,231	100,000	-0.6	-0.5	2.8	16.9	44.7	3.7	8.7	5.3	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	121,217	58,000	75,500	54,600	-0.7	-0.7	-3.2	-9.4	12.3	3.8	31.1	49.7	6/26/2026	4,350	8.1	7.8
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	244,000	24,400	27,491	18,962	0.0	5.2	14.1	-3.0	8.2	1.4	18.3	22.2	5/15/2026	397	1.6	1.7
Vinpearl JSC	VPL VN	140,953	78,600	111,000	67,000	-0.5	-2.8	-4.7	-11.9	47.1	3.3	7.5	6.6	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	51,695	22,750	45,200	20,900	0.0	-4.4	-11.1	-47.1	7.1	1.0	15.5	11.3	6/30/2026	1,000	4.4	0.0

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.